

Số: 947/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi thị xã  
Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa), thuộc dự án phát triển  
cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây  
Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính,  
quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 127/TTr-STC ngày  
30 tháng 6 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:**

- Tên dự án: Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa), thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Địa điểm xây dựng: Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Thời gian thi công: Khởi công 02/4/2018; Hoàn thành: 28/12/2019.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

- Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị phê duyet quyết toán	Thực hiện	
			Số đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>75.206.382.000</b>	<b>65.480.900.992</b>	<b>65.267.636.992</b>	<b>213.264.000</b>
- Vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	57.917.311.000	50.907.675.192	50.907.675.192	0
- Vốn ngân sách	17.289.071.000	14.573.225.800	14.359.961.800	213.264.000

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>75.206.382.000</b>	<b>65.480.900.992</b>
- Chi phí xây dựng	51.994.338.000	50.730.941.000
- Chi phí QLDA	804.674.000	229.142.992
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.842.587.000	7.248.960.000
- Chi phí khác	3.468.301.000	1.150.115.000
- Chi phí GPMB	5.575.846.000	6.121.742.000
- Chi phí dự phòng	5.520.636.000	

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không có.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>65.480.900.992</b>			
- Tài sản cố định	65.480.900.992			
- Tài sản lưu động	0			

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>65.480.900.992</b>	
- Vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	50.907.675.192	
- Vốn ngân sách	14.573.225.800	

b) Tình hình công nợ tính đến ngày 28/5/2020 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán):

- Số phải trả: 213.264.000 đồng.
- Số phải thu: 0 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục đính kèm)



c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của công trình tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định (đồng)	Tài sản ngắn hạn (đồng)
<b>Tổng số</b>	<b>65.480.900.992</b>	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65.480.900.992	

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn giám sát, thi công: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, về khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chính xác của kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thanh toán theo đúng quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH(Hg).



**Nguyễn Bốn**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT TÌNH HÌNH HÌNH CÔNG NỢ**

**Dự án: Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi thị xã Gia Nghĩa thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)**

*(Kèm theo Quyết định số 947 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán	Công Nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
	<b>Tổng số</b>	<b>65.480.900.992</b>	<b>65.267.636.992</b>	<b>213.264.000</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>50.730.941.000</b>	<b>50.730.941.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Chi phí xây dựng	50.730.941.000	50.730.941.000	0	0	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>229.142.992</b>	<b>229.142.992</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>7.248.960.000</b>	<b>7.248.960.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Chi phí khảo sát, lập đề cương FS	29.730.000	29.730.000	0	0	
2	Chi phí khảo sát, lập DADT	2.123.508.000	2.123.508.000	0	0	
3	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn lập DADT	43.800.000	43.800.000	0	0	
4	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	116.000.000	116.000.000	0	0	
5	Chi phí khảo sát thực địa, lập đề cương giai đoạn TKBVTC	59.489.000	59.489.000	0	0	
6	Chi phí khảo sát, lập hồ sơ TKBVTC-DT	2.202.493.000	2.202.493.000	0	0	
7	Chi phí thẩm tra hồ sơ TKBVTC-DT	98.472.000	98.472.000	0	0	
8	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu , kiểm định chất lượng công trình	332.581.000	332.581.000	0	0	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	980.000.000	980.000.000	0	0	
10	Chi phí tư vấn điều tra và khảo sát mới	334.954.000	334.954.000	0	0	
11	Chi phí thi công xử lý mới	927.933.000	927.933.000	0	0	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.150.115.000</b>	<b>936.851.000</b>	<b>213.264.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chi phí khảo sát, lập phương án xử lý bom mìn, vật nổ	35.982.000	35.982.000	0	0	
2	Chi phí dò tìm xử lý bom mìn, vật nổ	936.851.000	900.869.000	35.982.000	0	
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	177.282.000	0	177.282.000	0	
<b>V</b>	<b>Chi phí GPMB</b>	<b>6.121.742.000</b>	<b>6.121.742.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	





STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
1	Chi phí đo đạc phục vụ công tác GPMB	341.919.000	341.919.000	0	0	
2	Chi phí cắm mốc ranh giới phục vụ GPMB	475.253.000	475.253.000	0		
3	Chi phí tổ chức thực hiện GPMB	80.804.000	80.804.000	0		
4	Chi phí đền bù GPMB	5.223.766.000	5.223.766.000	0		